

PHÂN LOẠI HỢP ĐỒNG THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM VÀ TRUNG QUỐC - DƯỚI GÓC ĐỘ SÒ SÁNH

PHẠM THỊ MỸ LINH*

Hợp đồng là một trong những phương tiện không thể thiếu trong các hoạt động đời sống của con người. Bất kể tồn tại dưới dạng lời nói hay văn bản, thông qua các giao dịch dân sự, thương mại, hợp đồng đã thể hiện được vai trò quan trọng trong việc góp phần vào tổ chức đời sống chung, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển. Trong *Bộ luật Dân sự (BLDS)* năm 2020 của Trung Quốc không quy định chi tiết một điều khoản riêng biệt về phân loại hợp đồng, thay vào đó sự phân loại này lại hiện hữu trong cấu trúc của các quy định pháp luật về hợp đồng; sự quy định pháp luật của Trung Quốc được xây dựng theo hệ thống mà các quy định sẽ được tổ chức theo nhóm và có sự chỉ dẫn rõ ràng. Đây là một trong những góc nhìn mới để Việt Nam tham khảo trong quá trình hoàn thiện pháp luật về hợp đồng.

1. Hợp đồng theo pháp luật dân sự Việt Nam

Theo quy định tại Điều 402 *BLDS* năm 2015, hợp đồng được phân thành 6 loại hợp đồng chủ yếu, gồm: hợp đồng song vụ (HDSV), hợp đồng đơn vụ (HĐĐV), hợp đồng chính (HĐC), hợp đồng phụ (HĐP), hợp đồng vì lợi ích của người thứ ba, hợp đồng có điều kiện (HĐCĐK); ngoài ra, tại Điều 405 *BLDS* cũng đề cập một loại hợp đồng khác là hợp đồng theo mẫu. Trên thực tế, sự phân loại của hợp đồng còn có thể rộng hơn và nhiều hơn so với các loại hợp đồng được quy định nêu trên. Hợp đồng còn có thể phân loại thành: hợp đồng có đền bù

và không đền bù; hợp đồng ưng thuận và hợp đồng thực tế; hợp đồng dân sự và hợp đồng kinh tế; hợp đồng viết và hợp đồng miệng¹;... Để phân loại hợp đồng cần dựa trên những tiêu chí và căn cứ nhất định, tùy theo mục đích của người thực hiện phân loại hợp đồng mà các tiêu chí và căn cứ này được xác định không giống nhau.

(1) *HDSV* và *HĐĐV*: dựa trên mối liên hệ về quyền và nghĩa vụ giữa các bên trong hợp đồng, hợp đồng được phân thành *HDSV* và *HĐĐV*. Theo đó, *HDSV* là hợp đồng mà mỗi bên đều có nghĩa vụ đối với nhau². Trong thực tiễn áp dụng, loại hợp đồng thường thấy nhất của *HDSV* là hợp đồng mua bán tài sản, theo đó, bên bán có nghĩa vụ giao tài sản và bên mua có nghĩa vụ thanh toán giá trị tài sản dựa trên thỏa thuận trong hợp đồng, đồng thời, quyền của bên này có thể là nghĩa vụ của bên kia và ngược lại. Trong khi đó, *HĐĐV* là hợp đồng mà chỉ một bên có nghĩa vụ³.

(2) *HĐC* và *HĐP*: dựa trên sự phụ thuộc về hiệu lực giữa các hợp đồng, hợp đồng được phân thành *HĐC* và *HĐP*. Theo đó, *HĐC* là hợp đồng mà hiệu lực không phụ thuộc vào *HĐP*; *HĐP* là hợp đồng mà hiệu lực phụ thuộc vào *HĐC*⁴. Trong mối tương quan giữa *HĐC* và *HĐP*, hiệu lực của *HĐC* phụ thuộc vào việc có đáp ứng đầy đủ các

* Học viên cao học QH2020, Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội

điều kiện theo quy định của pháp luật hay không, thay vì phụ thuộc vào hiệu lực của một hợp đồng khác. Trái lại, hiệu lực của HĐP phụ thuộc vào hiệu lực của HDC; trong trường hợp HDC vô hiệu sẽ làm chấm dứt HĐP, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận HĐP được thay thế HDC. Tuy nhiên, mối quan hệ giữa HDC và HĐP không phải là mối quan hệ tuyệt đối, bởi giữa chúng có thể có những thỏa thuận về sự thay thế được đề cập trước đó hoặc trong giao dịch có tồn tại các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.

(3) *Hợp đồng vì lợi ích của người thứ ba:* hợp đồng vì lợi ích của người thứ ba là hợp đồng được phân loại dựa trên chủ thể tham gia vào mối quan hệ hợp đồng trong giao kết hợp đồng. Tồn tại song song với nó là hợp đồng vì lợi ích của các bên trong hợp đồng. Theo khoản 5 Điều 402 BLDS năm 2015 quy định: “Hợp đồng vì lợi ích của người thứ ba là hợp đồng mà các bên giao kết hợp đồng đều phải thực hiện nghĩa vụ và người thứ ba được hưởng lợi ích từ việc thực hiện nghĩa vụ đó”. Như vậy, hợp đồng không chỉ ràng buộc các bên tham gia trực tiếp vào hợp đồng phải thực hiện nghĩa vụ với nhau mà còn có thể phải thực hiện nghĩa vụ đối với người thứ ba. Người thứ ba không trực tiếp tham gia vào hợp đồng với tư cách chủ thể nhưng họ có quyền đối với bên có nghĩa vụ⁵.

(4) *HĐCĐK và hợp đồng không có điều kiện (HĐKCĐK):* loại hợp đồng thứ sáu được đề cập trong BLDS năm 2015 là HĐCĐK, đối ứng với loại hợp đồng này là HĐKCĐK. Việc phân loại hợp đồng này dựa trên sự tồn tại của điều kiện giao kết và thực hiện hợp đồng⁶. Theo quy định tại khoản 6 Điều 402 BLDS năm 2015: “Hợp đồng có điều kiện là hợp đồng mà việc thực hiện phụ thuộc vào việc phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt một sự kiện nhất định”.

(5) *Hợp đồng thương lượng và hợp đồng gia nhập:* được phân loại trên cơ sở xem xét có tồn tại yếu tố tự do thương lượng hay không. Theo đó, hợp đồng thương lượng

được xác lập dựa trên thỏa thuận giữa các bên tham gia hợp đồng. Ngược lại, hợp đồng gia nhập được xác lập bởi một bên mà trong đó đã quy định sẵn các điều khoản của hợp đồng để giao kết với nhiều người, bên còn lại chỉ có hai lựa chọn hoặc chấp nhận hoặc từ bỏ. Trong thực tế, hợp đồng gia nhập có thể là hợp đồng cung ứng dịch vụ viễn thông, hợp đồng cung cấp điện, nước, hợp đồng mở tài khoản ngân hàng... Đối với loại hợp đồng này, yếu tố tự do thương lượng đã bị triệt tiêu hoặc hạn chế, chính bởi tính chất đặc thù của nó mà đòi hỏi phải có một quy chế cụ thể để quản lý và điều tiết. Trong BLDS năm 2015 hiện nay có quy định về hợp đồng theo mẫu. Có quan điểm cho rằng, có thể coi hợp đồng theo mẫu là hợp đồng gia nhập⁷. Tuy nhiên, cũng có quan điểm khác cho rằng, phạm vi của hợp đồng gia nhập lại rộng hơn phạm vi của hợp đồng theo mẫu khi mà hợp đồng gia nhập đề cập thêm đến đặc trưng “đại chúng”⁸.

(6) *Các loại hợp đồng khác:* ngoài những cách phân loại hợp đồng “chủ yếu” được quy định trong BLDS, trong một số nghiên cứu của các luật gia còn đề cập đến cách phân loại khác, như:

- Hợp đồng hữu danh và hợp đồng vô danh, trong đó hợp đồng hữu danh là loại hợp đồng có tên chính thức và được quy định bởi những quy chế pháp lý riêng để giải thích cho ý chí của các bên trong trường hợp các bên không thỏa thuận rõ ràng các điều kiện trong hợp đồng. Và ngược lại, hợp đồng vô danh là hợp đồng không có tên gọi và không có các quy chế pháp lý riêng quy định đối với điều kiện do các bên đặt ra.

- Hợp đồng có đền bù (HĐCĐB) và hợp đồng không có đền bù (HĐKCĐB) được phân loại dựa trên tính chất có đi có lại về lợi ích của các chủ thể⁹; cũng có quan điểm cho rằng sự phân chia này dựa trên việc một bên có phải trả một khoản tiền hoặc lợi ích cho bên còn lại hay không¹⁰. Như vậy, HĐCĐB là hợp đồng mà một bên cho bên kia một lợi ích

thì sẽ nhận được từ bên kia một lợi ích tương ứng; còn HĐKCĐB là hợp đồng mà trong đó một bên nhận được lợi ích nhưng không phải giao lại cho bên kia một lợi ích nào.

- Hợp đồng ưng thuận, hợp đồng thực tế được phân loại dựa trên yếu tố thời điểm phát sinh hiệu lực hợp đồng. Theo đó, hợp đồng ưng thuận là hợp đồng mà theo quy định của pháp luật, quyền và nghĩa vụ của các bên phát sinh ngay sau khi các bên đã thỏa thuận với nhau xong về nội dung chủ yếu của hợp đồng. Hợp đồng thực tế là hợp đồng mà sau khi thỏa thuận, hiệu lực của nó chỉ phát sinh tại thời điểm khi các bên đã chuyển giao cho nhau đối tượng của hợp đồng¹¹. Ngoài ra, còn bổ sung thêm một loại hợp đồng nữa là hợp đồng trọng hình thức, là loại hợp đồng có hiệu lực khi các bên đã hoàn tất thủ tục theo quy định của pháp luật¹².

- Một số quan điểm khác, dựa trên hình thức xác lập của hợp đồng, hợp đồng có thể được phân thành hợp đồng bằng lời nói, hợp đồng bằng văn bản, hợp đồng bằng dữ liệu điện tử, hợp đồng có công chứng, chứng thực, hợp đồng mẫu; dựa trên số lượng các bên của hợp đồng được phân thành hợp đồng song phương và hợp đồng đa phương; dựa trên tính chất áp dụng của hợp đồng, lại phân thành hợp đồng chung, hợp đồng riêng¹³.

2. Hợp đồng theo pháp luật Trung Quốc

(1) *Hợp đồng điển hình và hợp đồng phi điển hình*: dựa trên cấu trúc Quyển hợp đồng của BLDS Trung Quốc năm 2020, đặc trưng phân loại đầu tiên theo tiêu chí pháp luật quy định một tên gọi riêng cho hợp đồng, hợp đồng được phân loại thành hợp đồng điển hình và hợp đồng phi điển hình. Theo đó, hợp đồng điển hình còn được gọi là hợp đồng hữu danh để chỉ hợp đồng được pháp luật quy định cụ thể và được ghi nhận bằng một tên gọi nhất định. Trong Quyển hợp đồng của BLDS Trung Quốc năm 2020 quy định về 19 loại hợp đồng điển hình, gồm: hợp đồng mua bán, hợp đồng tặng cho, hợp

đồng vay tiền, hợp đồng cho thuê... Những hợp đồng này đều đã từng trải qua quá trình hình thành và áp dụng nhất định cho đến ổn định, có tính chất hoàn thiện và tiêu biểu.

Tuy nhiên, từ thực tế giao kết hợp đồng, các chủ thể có thể giao kết nhiều hơn 19 loại hợp đồng nêu trên với những nội dung khác nhau và những hợp đồng đó được gọi là hợp đồng phi điển hình. Hợp đồng phi điển hình hay còn được gọi là hợp đồng vô danh, là loại hợp đồng chưa được pháp luật quy định cụ thể, cũng không có tên gọi nhất định. Một trong những vấn đề được quan tâm khi xuất hiện loại hợp đồng này là vấn đề về áp dụng pháp luật nếu có phát sinh tranh chấp. “Các quy định về hành vi pháp lý và các quy định chung về “hợp đồng” tại Quyển hợp đồng của Bộ luật dân sự đã để dư vùng đất trống áp dụng cho hợp đồng phi điển hình”¹⁴.

(2) *HĐSV và HĐĐV*: dựa theo tiêu chuẩn hai bên có nghĩa vụ đối với nhau hay không, hợp đồng được chia thành HĐSV (双务合同) và HĐĐV (单务合同). Theo đó, HĐSV được xác định là hợp đồng mà hai bên đều có nghĩa vụ đối với nhau; hợp đồng mua bán, hợp đồng cho thuê, hợp đồng nhận khoán thuộc loại hợp đồng này. HĐĐV là hợp đồng chỉ có một bên có nghĩa vụ; hợp đồng vay, hợp đồng tặng cho thuộc loại hợp đồng này. Sự phân loại này khá tương đồng với phân loại hợp đồng theo quy định của pháp luật Việt Nam.

(3) *HĐCĐB và HĐKCĐB*: dựa trên tiêu chí các bên đạt được lợi ích có phải chi trả khoản chi phí tương ứng hay không, hợp đồng được chia thành HĐCĐB (有偿合同) và HĐKCĐB (无偿合同). HĐCĐB là loại hợp đồng, trong đó một bên khi được hưởng quyền lợi theo quy định của hợp đồng, sẽ phải chi trả cho bên kia một khoản chi phí tương ứng; hợp đồng mua bán, hợp đồng cho thuê, hợp đồng bảo hiểm được coi là tiêu biểu cho loại hợp đồng này. Trái lại, HĐKCĐB là hợp đồng mà một bên được hưởng quyền lợi theo quy định trong hợp

đồng và không phải chi trả cho bên kia bất kỳ khoản chi phí tương ứng nào; hợp đồng tặng cho, hợp đồng cho vay được áp dụng trong thực tế để chỉ loại hợp đồng này. Sự phân chia HĐCĐB và HĐKCĐB khá giống với sự phân chia HĐSV và HĐĐV, tuy nhiên, hai cách phân chia này lại không giống nhau hoàn toàn, “Thông thường mà nói, hợp đồng song vụ đều là hợp đồng có đền bù, thế nhưng hợp đồng đơn vụ không nhất định phải là hợp đồng không có đền bù”¹⁵. Từ tính chất của HĐSV, có thể nhận thấy trong HĐSV các bên đều có những quyền lợi nhất định, cũng có những nghĩa vụ nhất định; kết hợp với tính chất của HĐCĐB khi một bên nhận được lợi ích phải chi ra một khoản lợi ích ngược lại, có thể chấp nhận cách nói “hợp đồng song vụ đều là hợp đồng có đền bù”. Trong thực tế, có một số HĐĐV là HĐKCĐB như hợp đồng tặng cho, mà trong đó bên được nhận không cần phải chi trả bất kỳ khoản chi phí tương ứng nào. Nhưng cũng có những HĐĐV là HĐCĐB, đơn cử như hợp đồng cho vay có lãi giữa các cá nhân.

(4) *Hợp đồng ưng thuận và hợp đồng thực tế*: việc phân loại hợp đồng ưng thuận (诺成合同) và hợp đồng thực tế (实践合同) được xác định dựa trên tiêu chí việc xác lập hợp đồng có phải chuyển giao đối tượng của hợp đồng hoặc hoàn thành các khoản chi trả khác hay không. Cụ thể, hợp đồng ưng thuận được xác định là hợp đồng mà trong đó chỉ cần các bên thống nhất về mặt ý chí là hợp đồng đã được xác lập. Ngược lại, hợp đồng thực tế là hợp đồng ngoài yêu cầu về việc các bên phải thống nhất về mặt ý chí, còn yêu cầu phải chuyển giao đối tượng của hợp đồng hoặc hoàn thành các khoản chi trả khác trong thực tế thì hợp đồng mới được xác lập.

(5) *HĐC và HĐP*: HĐC (主合同) và HĐP (从合同) được phân loại dựa trên tiêu chuẩn quan hệ chính, phụ giữa các hợp đồng. Trong đó, HĐC là hợp đồng không cần phải dựa vào sự tồn tại của hợp đồng khác, ngược lại HĐP

là hợp đồng tồn tại dựa theo hợp đồng khác, bản thân nó không thể tự độc lập, tồn tại. Sự tồn tại của HĐP phụ thuộc vào HĐC, do đó còn được gọi là “hợp đồng phụ thuộc”¹⁶.

(6) *Hợp đồng ràng buộc và hợp đồng có liên quan đến người khác (hợp đồng liên quan đến người thứ ba)*: hợp đồng ràng buộc (束己合同) và hợp đồng có liên quan đến người khác (涉他合同) được phân loại dựa trên tiêu chuẩn về nguyên tắc tính tương xứng trong hợp đồng. Theo đó, hợp đồng ràng buộc là hợp đồng mà các bên tham gia giao kết hợp đồng thỏa thuận vì chính mình, được thừa hưởng các quyền lợi và chịu các nghĩa vụ tương ứng, tuân thủ theo nguyên tắc tính tương xứng trong hợp đồng, và người thứ ba không thể tham dự để đòi hỏi quyền lợi hay truy cứu trách nhiệm đối với các bên tham gia giao kết hợp đồng và ngược lại, các bên tham gia giao kết hợp đồng không được đòi hỏi quyền lợi hay truy cứu trách nhiệm đối với người thứ ba.

Hợp đồng có liên đến người khác là hợp đồng do các bên tham gia giao kết hợp đồng thỏa thuận về quyền lợi hoặc nghĩa vụ cho người thứ ba trong hợp đồng. Hợp đồng vì lợi ích của người thứ ba và hợp đồng do người thứ ba thực hiện là đại diện tiêu biểu cho loại hợp đồng này. Theo đó, hợp đồng vì lợi ích của người thứ ba là hợp đồng do các bên tham gia giao kết hợp đồng thỏa thuận về quyền lợi của người thứ ba được hưởng theo hợp đồng; hợp đồng do người thứ ba thực hiện là hợp đồng do các bên tham gia giao kết hợp đồng thỏa thuận về nghĩa vụ của người thứ ba phải thực hiện đối với người có quyền trong hợp đồng.

(7) *Các loại hợp đồng khác*: ngoài ra, hợp đồng còn được phân thành các loại sau:

Hợp đồng hình thức (要式合同) và hợp đồng không hình thức (不要式合同) được phân loại dựa trên tiêu chí pháp luật áp dụng hoặc các bên tham gia giao kết hợp đồng có yêu cầu về hình thức của hợp đồng hay không. Theo đó, hợp đồng hình thức là hợp

đồng mà pháp luật hoặc các bên tham gia giao kết hợp đồng yêu cầu phải có hình thức nhất định (như phải lập bằng văn bản và tiến hành công chứng sau khi ký kết). Ngược lại, hợp đồng không hình thức là hợp đồng mà các bên tham gia giao kết hợp đồng không yêu cầu phải có hình thức nhất định.

Hợp đồng cá biệt (个别合同) và hợp đồng khung (框架合同) được phân loại dựa trên tiêu chí nội dung của hợp đồng có cần phải bổ sung chi tiết bằng hợp đồng trong tương lai hay không. Theo đó, hợp đồng khung là hợp đồng có tính chất sử dụng lâu dài, do chưa xác định được các chi tiết trong thỏa thuận, các bên tham gia giao kết hợp đồng trước tiên sẽ xây dựng một bộ khung các điều khoản cơ bản để làm nền tảng cho quan hệ giao dịch; đối với những điều khoản có tính chất phức tạp, chi tiết, cụ thể, phụ thuộc vào tình hình thực tế sẽ được xây dựng thành hợp đồng cá biệt trên cơ sở các điều khoản sẵn có của hợp đồng khung với vai trò bổ sung nội dung cho hợp đồng khung.

Bốn ước (本约) và dự ước (预约) được phân loại dựa trên mục đích và nghĩa vụ của hợp đồng có được ký kết trong tương lai hay không, sự phân loại này được hình thành trên cơ sở tồn tại của dự ước. Theo đó, khi các bên tham gia giao kết hợp đồng thỏa thuận sẽ giao kết hợp đồng trong một khoảng thời gian nhất định trong tương lai, hợp đồng dự ước là tiền đề để giao kết hợp đồng bốn ước.

3. Một số nhận xét về phân loại hợp đồng trong Bộ luật Dân sự Trung Quốc năm 2020 và so sánh với chế định hợp đồng trong pháp luật Việt Nam

Nhìn chung, kết cấu quy định pháp luật về hợp đồng trong BLDS của Việt Nam và Trung Quốc thể hiện nhiều nét tương đồng. Tuy nhiên, trong những nét tương đồng ấy lại tồn tại nhiều điểm khác biệt. Nếu pháp luật Trung Quốc chú trọng đến biểu thị ý chí, coi đó là một yếu tố quan trọng để hình thành nên hợp đồng thì pháp luật Việt Nam

lại quy định một cách tổng thể về đề nghị giao kết hợp đồng. Hoặc như về giải thích hợp đồng, pháp luật Việt Nam có quy định cụ thể để hướng dẫn thì pháp luật Trung Quốc lại đi sâu hơn vào việc giải thích hành vi, định hướng cho việc giải thích hợp đồng, ngoài dựa trên ngôn từ cần kết hợp với các yếu tố về hoàn cảnh, cũng như tập trung quy định về giải thích điều khoản mẫu. Điều này là một điểm mới cần tham khảo khi các hợp đồng được thiết kế điều khoản mẫu ngày một thường xuyên, do đó, việc quy định cách giải thích cho những điều khoản này là cần thiết. Có thể đưa ra một số nhận xét về sự tương đồng và khác biệt về pháp luật hợp đồng Việt Nam và Trung Quốc như sau:

Thứ nhất, Trung Quốc là quốc gia có mối quan hệ “láng giềng” với Việt Nam. Trong suốt chiều dài lịch sử, luật pháp Trung Quốc được chia thành hai giai đoạn: lịch sử pháp luật Trung Quốc truyền thống và lịch sử pháp luật Trung Quốc hiện đại. Luật pháp Trung Quốc truyền thống bắt nguồn từ triết lý Khổng giáo về trật tự xã hội, mang nặng đặc điểm của chế độ phong kiến với tư tưởng Nho giáo và chủ nghĩa tuân thủ pháp luật tuyệt đối. Những ảnh hưởng này thậm chí đến nay vẫn còn đậm nét trong hệ thống luật pháp của Trung Quốc hiện đại.

Thứ hai, chế định hợp đồng là một trong những chế định quan trọng trong hệ thống pháp luật của mỗi quốc gia. Ở Việt Nam, các chế định hợp đồng được ra đời khá sớm và quy định chủ yếu trong các quan hệ dân sự, kinh tế; trong khi đó, ở Trung Quốc tại Kỳ họp thứ hai Đại hội đại biểu nhân dân Trung Quốc (khóa IX) vào ngày 15/3/1999, dưới sự hợp nhất của ba đạo luật về hợp đồng gồm: “Luật hợp đồng kinh tế”, “Luật hợp đồng kinh tế đối ngoại”, “Luật hợp đồng công nghệ”, dưới sự chỉ đạo của “Những quy tắc chung của Luật dân sự” kết hợp với sự cấy ghép và vay mượn từ luật pháp nước ngoài, Luật Hợp đồng Trung Quốc đã được hình thành. Đến ngày 01/01/2021, khi BLDS Trung

Quốc có hiệu lực thi hành, *Luật Hợp đồng* đã được quy tụ lại và trở thành một phần cấu thành không thể tách rời của *BLDS*.

Thứ ba, về khái niệm “hợp đồng” theo quy định pháp luật của hai nước về cơ bản có sự tương đồng, tuy nhiên, phạm vi về hợp đồng dân sự của Việt Nam lại rộng hơn vì bao gồm cả hợp đồng trong lĩnh vực lao động; trong khi đó pháp luật Trung Quốc lại quy định hợp đồng lao động do *Luật Hợp đồng lao động* điều chỉnh, còn các hợp đồng thuộc lĩnh vực dân sự đều được gọi chung là hợp đồng và quan hệ pháp luật dân sự được đề cập đến trong khái niệm “hợp đồng” là quan hệ về tài sản, không bao gồm quan hệ về nhân thân. Sự khác biệt này có thể xuất phát từ quan niệm của hai quốc gia khi Việt Nam cho rằng lao động là một lĩnh vực của luật dân sự; trong khi Trung Quốc lại cho rằng lĩnh vực lao động cần có sự can thiệp điều tiết và quản lý của Nhà nước, cũng như hợp đồng là sự thỏa thuận mà các thỏa thuận về nhận nuôi, hôn nhân cũng có khả năng trở thành hợp đồng, do đó, pháp luật Trung Quốc đã phân tách rõ ràng để tránh hai lĩnh vực này “va chạm” vào nhau. Về đặc điểm của hợp đồng, pháp luật của hai nước đều nhận định đặc trưng của một hợp đồng là giao dịch có bản chất dân sự, cần có chủ thể tham gia giao kết hợp đồng, nội dung hợp đồng, mục đích hợp đồng... Tuy nhiên, xem xét chi tiết với mỗi đặc trưng lại có những điểm không giống nhau.

Thứ tư, về phân loại hợp đồng theo quy định pháp luật của hai nước lại có thể tìm ra được điểm khác biệt đó là pháp luật Việt Nam quy định chi tiết về các phân loại hợp đồng chủ yếu, trong khi pháp luật Trung Quốc lại không quy định chi tiết mà dàn trải sự phân loại này trong cấu trúc quy định pháp luật. Tuy vậy, phân loại về hợp đồng của hai nước lại khá giống nhau về tiêu chuẩn xác định và điều này có thể xuất phát từ việc chế độ pháp luật hiện tại của hai nước đều bắt nguồn từ hệ thống luật Civil Law và

đã từng có thời kỳ chịu sự ảnh hưởng của hệ thống pháp luật Xô Viết.

4. Kết luận

Pháp luật Trung Quốc sau nhiều năm nỗ lực đã đạt được thành tựu to lớn là ban hành một *BLDS* hoàn chỉnh có những nét tương đồng với *BLDS* của Việt Nam. Những quy định pháp luật chung nhất về hợp đồng đã được cập nhật, bổ sung để được gói gọn vào trong *Bộ luật này* nhằm mục đích trở thành bách khoa toàn thư về hợp đồng. Do đó, pháp luật về hợp đồng trong *BLDS* có giá trị tham khảo và có thể trong *Bộ luật này* cũng sẽ chứa đựng những kỹ thuật pháp lý hữu ích, góp phần hoàn thiện quy định pháp luật về hợp đồng của Việt Nam, làm cho chế định hợp đồng ngày càng phù hợp với sự phát triển của đời sống kinh tế - xã hội □

Chú thích:

1, 8, 12. Ngô Huy Cương. *Giáo trình Luật Hợp đồng - Phần chung*. H. NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2013, tr. 177, 200, 208.

2, 3, 4. Điều 402 *Bộ luật Dân sự* năm 2015.

5, 9, 11. Trường Đại học Luật Hà Nội. *Giáo trình Luật Dân sự Việt Nam*. H. NXB Công an nhân dân, 2019, tr. 125, 122, 124.

6, 10, 13. Trương Nhật Quang. *Pháp luật về hợp đồng - Các vấn đề pháp lý cơ bản*. H. NXB Dân Trí, 2020, tr. 53, 53, 54.

7. Nguyễn Việt Đức. *Phân loại hợp đồng theo pháp luật Việt Nam*. Luận văn thạc sỹ luật học, Khoa luật - Đại học quốc gia Hà Nội, 2021, tr. 63.

14. 崔建远 (2021). 合同法第七版2020年修, 法律出版社, 北京. tr.17.

15. 崔建远 (2021). 合同法第七版2020年修, 法律出版社, 北京. tr.20.

16. 崔建远 (2021). 合同法第七版2020年修, 法律出版社, 北京. tr.24.

Tài liệu tham khảo:

1. *Bộ luật Dân sự Trung Quốc* năm 2020.

2. *Luật Hợp đồng Trung Quốc* năm 1992.

3. Mễ Lương. *Hợp đồng dân sự trong pháp luật của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và pháp luật của Cộng hòa nhân dân Trung Hoa*. Luận án tiến sỹ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, 2010.